

**CÔNG TY CP GIÁM ĐỊNH CÀ PHÊ VÀ HÀNG HÓA XNK**

Địa chỉ: 228A Pasteur, Phường 6, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 38207 552 - Fax: (08) 38 207 554

---

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN CỦA  
CÔNG TY CP GIÁM ĐỊNH CÀ PHÊ VÀ HÀNG HÓA XNK**

*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012*

*kèm theo*

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

---

Được kiểm toán bởi:

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI**

Số 03 Ngõ 1295 Đường Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội

Điện thoại: (04) 3 974 5081/82

Fax: (04) 3 974 5083

*Hà Nội, tháng 03 năm 2013*

**CÔNG TY CP GIÁM ĐỊNH CÀ PHÊ VÀ HÀNG HÓA XNK**

Địa chỉ: 228A Pasteur, Phường 6, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 38207 552 - Fax: (08) 38 207 554

---

**MỤC LỤC**

<u>Nội dung</u>	<u>Trang số</u>
Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	2 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 -5
Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012	6- 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính 2012	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2012	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2012	10 - 26

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

### **I. Khái quát chung về Công ty Cổ phần Giám định cà phê và hàng hóa XNK**

Công ty Cổ phần Giám định cà phê và hàng hóa XNK gọi tắt là "Công ty" hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cấp lần đầu ngày 06/06/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 25/01/2012 mã số doanh nghiệp 0301240291 do sở Kế hoạch đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp. Theo đó:

- *Vốn Điều lệ : 17.000.000.000 Đồng. (Bằng chữ: Mười bảy tỷ đồng chẵn./).*
- Công ty có trụ sở tại 228A đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Trong đó:*

STT	Danh sách cổ đông	Vốn góp (đồng)	Tỷ lệ vốn góp
1	Vốn nhà nước	8.670.000.000	51,0%
2	Cổ đông khác	8.330.000.000	49,0%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>17.000.000.000</b>	<b>100%</b>

#### **Ngành nghề sản xuất kinh doanh theo Đăng ký kinh doanh:**

- Dịch vụ giám định, chất lượng, số lượng, trọng lượng, cấp chứng thư giám định và dịch vụ khử trùng và cà phê và hàng hóa nông sản xuất khẩu;
- Dịch vụ thông tin tư vấn chuyển giao công nghệ, kiểm phẩm chất lượng cà phê và nông sản xuất khẩu;
- Dịch vụ: Giám định hàng hóa xuất nhập khẩu, giới thiệu sản phẩm cà phê và hàng hóa xuất nhập khẩu, kho hàng phục vụ hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Cung cấp dịch vụ chứng nhận sản phẩm, chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng, hệ thống quản lý môi trường, chứng nhận sản phẩm, hệ thống phân tích mối nguy hại và kiểm soát các điểm tới hạn (hệ thống HACCP);
- Tư vấn, đánh giá dự án đầu tư ( trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Mua bán vật tư, hóa chất, máy móc thiết bị phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh).

**Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:**

#### **Hội đồng quản trị:**

1	Ông Lê Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Nguyễn Văn Hải	Ủy viên
3	Ông Nguyễn Nam Hải	Ủy viên

**Ban Giám đốc:**

- |                      |                                       |
|----------------------|---------------------------------------|
| 1 Ông Lê Anh Tuấn    | Tổng Giám đốc                         |
| 2 Ông Nguyễn Văn Hải | Phó tổng giám đốc kiêm Kế toán trưởng |

**2. Kiểm toán viên độc lập**

Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI).

**3. Tại Báo cáo này Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xin khẳng định những vấn đề sau đây**

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý;

Chúng tôi đã cung cấp toàn bộ các tài liệu kế toán cần thiết cho các kiểm toán viên và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu đã cung cấp;

Báo cáo tài chính cho năm 2012 đã phản ánh trung thực về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày;

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chính sách kế toán đã được trình bày trong Thuyết minh Báo cáo tài chính; phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;

Kể từ ngày kết thúc niên độ kế toán đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo;

Chúng tôi khẳng định rằng Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;

**ĐẠI DIỆN**

**CÔNG TY CP GIÁM ĐỊNH CÀ PHÊ VÀ HÀNG HÓA XNK**

**Tổng Giám đốc**

**Lê Anh Tuấn**

*Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 01 năm 2013*



# CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

THÀNH VIÊN HÀNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS

Trụ sở chính: Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

ĐT: (84) 4 3974 5080/81/82 \* Fax: (84) 4 3974 5083

Email: cpahanoi@fpt.vn Website: www.cpahanoi.com

# AicA

Số: 58 /CPA HANOI - BCKT

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2013

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012  
của Công ty Cổ phần Giám định cà phê và hàng hóa XNK

Kính gửi:

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH CÀ PHÊ VÀ HÀNG HÓA XNK**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Giám định cà phê và hàng hóa XNK cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được lập ngày 10/01/2013 bao gồm Bảng Cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính như đã trình bày từ trang 06 đến trang 25 kèm theo.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc tại trang 02 và 03, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày các Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý.

Trách nhiệm của chúng tôi là tiến hành kiểm tra và đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán và sau đó báo cáo với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty.

### Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết nhằm thu thập các bằng chứng xác minh những số liệu và thông tin được trình bày trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như phương pháp trình bày tổng quát Báo cáo tài chính.

Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu thì Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ phần Giám định cà phê và hàng hóa XNK đã:

- a) Phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 31/12/2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày;
- b) Phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;

Báo cáo kiểm toán được lập thành 06 bản tiếng Việt, các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ phần Giám định cà phê và hàng hóa XNK giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản.

Kiểm toán viên

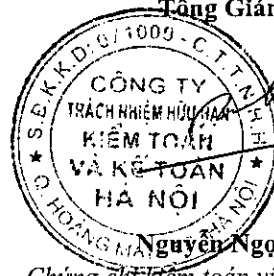


Lê Văn Dờ

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0231/KTV

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tĩnh

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0132/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: đồng

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>38,428,021,360</b>	<b>28,909,345,046</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>28,742,244,096</b>	<b>17,434,891,441</b>
1. Tiền	111	V.01	28,742,244,096	17,434,891,441
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>260,629,200</b>	<b>274,441,200</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	537,160,000	521,870,000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán ĐT NH(*)	129	V.02	(276,530,800)	(247,428,800)
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>7,622,283,055</b>	<b>8,821,453,000</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.03	9,549,301,285	8,752,382,000
2. Trả trước cho người bán	132	V.03	245,757,770	69,071,000
3. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(2,172,776,000)	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>400,115,335</b>	<b>814,074,575</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.04	400,115,335	814,074,575
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1,402,749,674</b>	<b>1,564,484,830</b>
1. Tài sản ngắn hạn khác	158		1,402,749,674	1,564,484,830
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>7,224,458,760</b>	<b>7,180,370,114</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>6,961,183,436</b>	<b>6,991,314,538</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	1,794,539,436	1,824,670,538
- Nguyên giá	222		4,250,364,724	4,100,636,542
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(2,455,825,288)	(2,275,966,004)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.06	5,166,644,000	5,166,644,000
- Nguyên giá	228		5,166,644,000	5,166,644,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>263,275,324</b>	<b>189,055,576</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	263,275,324	189,055,576
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>45,652,480,120</b>	<b>36,089,715,160</b>

(Tiếp theo)

CỤC THUẾ TP. HỒ CHÍ MINH  
PHÒNG KẾ KHAI KẾ TOÁN THUẾ  
ĐÃ NHẬN HỒ SƠ KHAI THUẾ

Ngày 26-03-2013 Đơn vị tính: đồng  
Số cuối năm Người nhận: 005 Số đầu năm

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	4	5
1	2	3	4	5
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>16,932,404,121</b>	<b>10,400,641,494</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>16,932,404,121</b>	<b>10,257,335,552</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	
2. Phải trả người bán	312		500,000	500,000
3. Người mua trả tiền trước	313	V.08	481,863,944	180,290,350
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.09	3,277,856,150	2,199,521,457
5. Phải trả công nhân viên	315		12,215,505,896	6,711,405,282
6. Chi phí phải trả	316		-	
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.10	966,592,704	1,223,084,789
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi			(9,914,573)	(57,466,326)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>143,305,942</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334		-	
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	143,305,942
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>28,720,075,999</b>	<b>25,689,073,666</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.11	<b>28,720,075,999</b>	<b>25,689,073,666</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		17,000,000,000	17,000,000,000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		1,037,594,967	750,468,383
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		1,037,594,967	750,468,383
4. Lợi nhuận chưa phân phối	420		9,644,886,065	7,126,873,900
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>45,652,480,120</b>	<b>36,089,715,160</b>

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hải

Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 01 năm 2013  
 Tổng Giám đốc  
  
 Lê Anh Tuấn



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.11	62,364,688,656	46,707,004,779
2. Các khoản giảm trừ	3		-	-
+ Chiết khấu thương mại			-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10	VI.12	62,364,688,656	46,707,004,779
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.13	3,517,575,174	2,433,218,911
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		58,847,113,482	44,273,785,868
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.14	1,420,356,603	1,115,656,059
7. Chi phí tài chính	22	VI.15	32,504,778	555,187,542
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	487,758,742
8. Chi phí bán hàng	24	VI.16	1,668,030,000	1,753,670,000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.17	47,533,731,738	33,335,215,130
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11,033,203,569	9,745,369,255
11. Thu nhập khác	31		109,990,542	1,500,000
12. Chi phí khác	32		-	2,097,460,347
13. Lợi nhuận khác	40		109,990,542	(2,095,960,347)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11,143,194,111	7,649,408,908
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.25	2,770,158,278	1,906,877,227
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8,373,035,833	5,742,531,681
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu			4,925	3,378

Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 01 năm 2013

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hải



Tổng Giám đốc



Lê Anh Tuấn

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp trực tiếp)  
 Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	60,537,684,946	44,059,696,717
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	2	(3,500,693,722)	(3,093,921,675)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(29,184,164,896)	(15,912,079,324)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(32,504,778)	(487,758,742)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(2,973,305,872)	(1,735,206,751)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	12,053,448,457	10,122,279,198
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(22,592,939,650)	(13,211,609,267)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>14,307,524,485</b>	<b>19,741,400,156</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(149,728,182)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(11,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1,399,556,352	409,094,767
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>1,249,828,170</b>	<b>(590,905,233)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã p.hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4,250,000,000)	(4,250,000,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(4,250,000,000)</b>	<b>(4,250,000,000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>11,307,352,655</b>	<b>14,900,494,923</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>17,434,891,441</b>	<b>2,473,133,518</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		61,263,000
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>28,742,244,096</b>	<b>17,434,891,441</b>

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hải



Minh, ngày 21 tháng 01 năm 2013  
 Tổng Giám đốc

Lê Anh Tuấn

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Năm 2012**

**I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

**1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Giám định cà phê và hàng hóa XNK gọi tắt là "Công ty" hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cấp lần đầu ngày 06/06/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 25/01/2012 mã số doanh nghiệp 0301240291 do sở Kế hoạch đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp. Theo đó:

Vốn Điều lệ : 17.000.000.000 Đồng. (Bằng chữ: Mười bảy tỷ đồng chẵn./.).

Công ty có trụ sở tại Số 228A Pasteur, Phường 6, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh.

**2. Ngành nghề kinh doanh:**

- Dịch vụ giám định, chất lượng, số lượng, trọng lượng, cấp chứng thư giám định và dịch vụ khử trùng và cà phê và hàng hóa nông sản xuất khẩu;
- Dịch vụ thông tin tư vấn chuyển giao công nghệ, kiểm phẩm chất lượng cà phê và nông sản xuất khẩu;
- Dịch vụ: Giám định hàng hóa xuất nhập khẩu, giới thiệu sản phẩm cà phê và hàng hóa xuất nhập khẩu, kho hàng phục vụ hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Cung cấp dịch vụ chứng nhận sản phẩm, chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng, hệ thống quản lý môi trường, chứng nhận sản phẩm, hệ thống phân tích mối nguy hại và kiểm soát các điểm tới hạn (hệ thống HACCP);
- Xây dựng đường dây tải điện, trạm biến thế 220KV;
- Tư vấn, đánh giá dự án đầu tư ( trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Trang trí nội thất;
- Mua bán vật tư, hóa chất, máy móc thiết bị phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh).

**II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

1. Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (Đồng).

**III. Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng**

1. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006 QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và các Thông tư bổ sung, sửa đổi kèm theo.
2. Tuyên bố tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

Chúng tôi, Công ty Cổ phần Giám định cà phê và hàng hóa XNK, tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành; phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Hình thức kế toán áp dụng: Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán trên phần mềm máy vi tính.

#### **IV. Các chính sách kế toán áp dụng**

##### **1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

###### **1.1 Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: các khoản tiền mặt tại quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn, hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị của các khoản này.

###### **1.2 Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:**

- Đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật.
- Tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

##### **2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

###### **2.1 Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho và phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:**

- Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Những chi phí không được tính và giá gốc hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

###### **2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ = Giá trị hàng tồn đầu kỳ + Giá trị hàng nhập trong kỳ - Giá trị hàng xuất trong kỳ. (Phương pháp tính giá hàng xuất kho theo phương pháp Bình quân gia quyền).**

2.3. Phương pháp hạch toán tổng hợp hàng tồn kho: theo phương pháp Kế khai thường xuyên.

2.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

### 3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

3.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình và thuê tài chính

- Tài sản cố định của Công ty được hạch toán ban đầu theo Nguyên giá. Trong quá trình sử dụng Tài sản cố định được hạch toán theo 03 chi tiêu: nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.
- Nguyên giá của tài sản cố định được xác định là toàn bộ chi phí mà đơn vị đã bỏ ra để có được tài sản đó tính đến thời điểm đưa tài sản vào vị trí sẵn sàng sử dụng.

### 3.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao căn cứ theo thời gian sử dụng ước tính và giá trị phải khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian KH
Nhà cửa, vật kiến trúc	8 - 12 năm
Máy móc thiết bị	4 - 8 năm
Phương tiện vận tải, thuyền dẫn	5 - 12 năm
Thiết bị quản lý	3 - 5 năm
Tài sản cố định khác	6 - 12 năm
Tài sản cố định vô hình	5 - 20 năm

### 4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Bất động sản đầu tư

Công ty không có Bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 15 năm.

### 5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

5.1 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty bao gồm: cho vay có thời hạn thu hồi dưới 01 năm được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày cho vay.

5.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm đầu tư vào Công ty con, đầu tư vào Công ty liên kết, cho vay vốn có thời hạn thu hồi trên một năm và các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư hoặc ngày mua trái phiếu.

5.2 Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

#### **6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chính sách kế toán áp dụng cho chi phí đi vay Công ty thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán số 16 về Chi phí đi vay, cụ thể:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

#### **7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác**

- Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.
- Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:
  - Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
  - Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

8. **Ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm:**

- 8.1 Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- 8.2 Đối với những TSCĐ đặc thù, việc sửa chữa có tính chu kỳ thì chi phí sửa chữa lớn những tài sản này được trích trên cơ sở dự toán hoặc theo kế hoạch đã thông báo với cơ quan thuế trực tiếp quản lý và được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh.
- 8.3 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm: được áp dụng theo Thông tư số 180/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính.

**9. Nguồn vốn chủ sở hữu:**

- Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế được cấp hoặc từ các chủ sở hữu góp vốn.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.
- Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc mua lại cổ phiếu.
- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo điều lệ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

**10 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

- 10.1 Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
  - Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
  - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
  - Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
  - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.
- 10.2 Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền tiền bán cổ phiếu đầu tư, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận toàn bộ trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là tổng chi phí tài chính không được vốn hoá phát sinh và không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở tổng thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Không bù trừ thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

**13. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái**

- Tất cả các nghiệp vụ liên quan việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật. Chênh lệch tỷ giá của các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ được hạch toán như một khoản lãi (lỗ) về tỷ giá.

Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 và hướng dẫn của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 " Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái"

**14. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

**14.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- \* Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- \* Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;
- \* Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính năm.

**14.2 Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**



Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- \* Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- \* Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

#### 14.3 Các nghĩa vụ về thuế:

- \* Thuế giá trị gia tăng: Công ty thực hiện kê khai và nộp thuế giá trị gia tăng tại Cục thuế Thành Phố Hải Phòng. Hàng tháng có lập tờ khai thuế đầu vào và thuế đầu ra theo đúng qui định. Khi kết thúc năm tài chính đơn vị lập các Báo cáo thuế Giá trị gia tăng theo qui định hiện hành.
- \* Các loại thuế khác thực hiện theo qui định hiện hành.

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán (ĐVT: đồng)**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
<b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		
- Tiền mặt		
Tiền Việt Nam	815.901.013	302.639.676
- Tiền gửi Ngân hàng		
Tiền gửi Việt Nam đồng	27.926.343.083	17.132.251.765
<b>Cộng</b>	<b>28.742.244.096</b>	<b>17.434.891.441</b>
<b>2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:</b>		
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-
- Đầu tư ngắn hạn khác	537.160.000	521.870.000
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-
Dự phòng đầu tư ngắn hạn	(276.530.800)	(247.428.800)
<b>Cộng</b>	<b>260.629.200</b>	<b>274.441.200</b>
<b>3. Các khoản phải thu</b>		
<b>3.1 Phải thu khách hàng</b>	<b>9.549.301.285</b>	<b>8.752.382.000</b>
<b>3.2 Trả trước cho người bán</b>	<b>245.757.770</b>	<b>69.071.000</b>
Công ty CP Tư vấn và xây dựng Tân Sanh	72.346.770	
Cty TNHH MTV Thiên Việt HRM ( Vsinh vp )	1.800.000	
Công ty Thuận Ân	7.571.000	7.571.000
Cty taxi Vinasun	5.000.000	5.000.000
Cty taxi Mai Linh	10.000.000	10.000.000
Cty CP kho vận miền nam ( Sotrans )	10.000.000	10.000.000
Cty CP chứng khoán Thăng Long		10.000.000
Cty phần mềm giải pháp Tổng Quát	18.000.000	18.000.000
Cty Công nghệ tuổi trẻ đất Việt - website		8.100.000
Cty Hoàng Trân - nước uống	400.000	400.000
Tổng cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng ( Stame	46.500.000	
Công ty TNHH Quảng cáo Đen và Trắng	74.140.000	
<b>3.3 Dự phòng phải thu khó đòi</b>	<b>(2.172.776.000)</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>7.622.283.055</b>	<b>8.821.453.000</b>
<b>4. Hàng tồn kho</b>		
- Nguyên liệu, vật liệu	258.277.378	814.074.575
- Công cụ, dụng cụ	141.837.957	-
<b>Cộng</b>	<b>400.115.335</b>	<b>814.074.575</b>

**CÔNG TY CP GIÁM ĐỊNH CÀ PHÊ VÀ HÀNG HÓA XNK**  
 Địa chỉ: 228A Pasteur, Phường 6, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh  
 Điện thoại: (08) 38207 552 - Fax: (08) 38 207 554

**Thuyết minh Báo cáo tài chính**  
 Cho năm tài chính  
 Kết thúc ngày 31/12/2012

**5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>1.999.353.422</b>	<b>873.444.393</b>	<b>1.227.838.727</b>		<b>4.100.636.542</b>
- Mua trong năm		149.728.182			149.728.182
- XDCB hoàn thành					
- Tăng khác					
- Chuyển sang BĐS đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác					
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.999.353.422</b>	<b>1.023.172.575</b>	<b>1.227.838.727</b>	-	<b>4.250.364.724</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>570.625.228</b>	<b>477.502.049</b>	<b>1.227.838.727</b>		<b>2.275.966.004</b>
- Khấu hao trong năm	63.311.376	116.547.908			179.859.284
- Tăng khác					
- Chuyển sang BĐS đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác	-				
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>633.936.604</b>	<b>594.049.957</b>	<b>1.227.838.727</b>	-	<b>2.455.825.288</b>
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>					
- Tại ngày đầu năm	1.428.728.194	395.942.344	-	-	1.824.670.538
- Tại ngày cuối năm	1.365.416.818	429.122.618	-	-	1.794.539.436

**6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	....	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>5.166.644.000</b>				<b>5.166.644.000</b>
- Mua trong năm					
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp					
- Tăng do hợp nhất kinh doanh					
- Tăng khác					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>5.166.644.000</b>				<b>5.166.644.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	-				-
- Khấu hao trong năm	-				-
- Tăng khác					-
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác					-
<b>Số dư cuối năm</b>	-				-
<b>GT còn lại của TSCĐ vô hình</b>					
- Tại ngày đầu năm	<b>5.166.644.000</b>				<b>5.166.644.000</b>
- Tại ngày cuối năm	<b>5.166.644.000</b>				<b>5.166.644.000</b>

7. Chi phí trả trước dài hạn:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ chưa phân bổ hết	263,275,324	189,055,576
<b>Cộng</b>	<b>263,275,324</b>	<b>189,055,576</b>
8. Người mua trả tiền trước	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Dự án CaCao</i>	-	180,290,350
<i>Ban Quản lý Dự án Bình Thuận ( PPMU )</i>	429,280,000	-
<i>Cty TNHH thương mại Huế Hào</i>	52,579,800	-
<i>Công ty TNHH MTV Hoàng Thanh Thúy</i>	4,144	-
<b>Cộng</b>	<b>481,863,944</b>	<b>180,290,350</b>
9. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Thuế Giá trị gia tăng phải nộp	524,751,171	441,658,709
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1,875,853,220	1,296,801,452
- Thuế Thu nhập cá nhân	877,251,759	461,061,296
- Thuế tài nguyên		
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất		
- Các loại thuế khác		
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	
<b>Cộng</b>	<b>3,277,856,150</b>	<b>2,199,521,457</b>
10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản thừa chờ giải quyết		
Kinh phí công đoàn	609,886,887	642,992,096
Bảo hiểm xã hội, BHYT	106,386,597	100,092,693
Các khoản phải trả, phải nộp khác	250,319,220	480,000,000
Bảo hiểm thất nghiệp		
<b>Cộng</b>	<b>966,592,704</b>	<b>1,223,084,789</b>

**11. Tăng, giảm vốn chủ sở hữu**

**A- BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
					-	
<b>1. Số dư đầu năm trước</b>	<b>17,000,000,000</b>	<b>4,757,781</b>	<b>500,408,612</b>	<b>500,408,612</b>	<b>6,684,593,257</b>	<b>24,690,168,262</b>
- Tăng vốn trong năm trước						
- Lãi trong năm trước					5,742,531,681	5,742,531,681
- Tăng khác		56,505,219	250,059,771	250,059,771		500,119,542
- Giảm vốn trong năm trước					550,131,496	
- Trích quỹ					500,119,542	
- Giảm khác (trả cổ tức)					4,250,000,000	4,250,000,000
<b>2. Số dư cuối năm trước</b>	<b>17,000,000,000</b>	<b>61,263,000</b>	<b>750,468,383</b>	<b>750,468,383</b>	<b>7,126,873,900</b>	<b>25,689,073,666</b>
<b>3. Số dư đầu năm nay</b>	<b>17,000,000,000</b>	<b>61,263,000</b>	<b>750,468,383</b>	<b>750,468,383</b>	<b>7,126,873,900</b>	<b>25,689,073,666</b>
- Tăng vốn trong kỳ này						
- Lãi trong kỳ					8,373,035,833	8,373,035,833
- Tăng khác			287,126,584	287,126,584		574,253,168
- Giảm vốn trong kỳ này		61,263,000			1,605,023,668	1,666,286,668
- Lỗ trong kỳ						
- Giảm khác (trả cổ tức)					4,250,000,000	4,250,000,000
<b>4. Số dư cuối năm nay</b>	<b>17,000,000,000</b>	<b>-</b>	<b>1,037,594,967</b>	<b>1,037,594,967</b>	<b>9,644,886,065</b>	<b>28,720,075,999</b>

**CÔNG TY CP GIÁM ĐỊNH CÀ PHÊ VÀ HÀNG HÓA XNK**  
 Địa chỉ: 228A Pasteur, Phường 6, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh  
 Điện thoại: (08) 38207 552 - Fax: (08) 38 207 554

**Thuyết minh Báo cáo tài chính**  
 Cho năm tài chính  
 Kết thúc ngày 31/12/2012

<b>B. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Vốn góp của Nhà nước	8.670.000.000	8.670.000.000
Các cổ đông khác	8.330.000.000	8.330.000.000
<b>Cộng</b>	<b>17.000.000.000</b>	<b>17.000.000.000</b>

\* Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm  
 \* Số lượng cổ phiếu quỹ:

<b>C. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	17.000.000.000	17.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm		
Vốn góp giảm trong năm		
Vốn góp cuối năm	17.000.000.000	17.000.000.000
<b>Lợi nhuận đã phân phối</b>		

<b>D. Cổ tức</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:		
<i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:</i>		
<i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:</i>		
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:		

<b>Đ. Cổ phiếu</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
- Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng		
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.700.000	1.700.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại		
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ 1 Cổ phiếu

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Báo cáo kết quả kinh doanh (ĐVT: đồng)**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>12. Tổng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dv	62.364.688.656	46.707.004.779
<b>Cộng</b>	<b>62.364.688.656</b>	<b>46.707.004.779</b>
<b>13. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	-	-
+ Giảm giá hàng bán		
+ Hàng bán bị trả lại		
+ <i>Chiết khấu thương mại</i>		
+ Thuế xuất khẩu		
+ Thuế tiêu thụ đặc biệt		
<b>14. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>62.364.688.656</b>	<b>46.707.004.779</b>
<b>15. Giá vốn hàng bán</b>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
+ Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.517.575.174	2.433.218.911
<b>Cộng</b>	<b>3.517.575.174</b>	<b>2.433.218.911</b>
<b>16. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	1.336.995.352	1.115.656.059
Lãi tiền cho vay		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	62.561.000	
Doanh thu hoạt động tài chính khác	20.800.251	
<b>Cộng</b>	<b>1.420.356.603</b>	<b>1.115.656.059</b>
<b>17. Chi phí hoạt động tài chính</b>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	3.402.778	555.187.542
Chi phí lưu ký chứng khoán		
Lỗi chênh lệch tỷ giá		
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	29.102.000	
Chi phí tài chính khác		
<b>Cộng</b>	<b>32.504.778</b>	<b>555.187.542</b>
<b>18. Chi phí bán hàng</b>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên		
Chi phí khấu hao TSCĐ		
Chi phí dịch vụ mua ngoài		
Chi phí bằng tiền khác	1.668.030.000	1.753.670.000
<b>Cộng</b>	<b>1.668.030.000</b>	<b>1.753.670.000</b>
<b>19. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	30.813.826.022	7.652.650.647
Chi phí vật liệu quản lý	367.193.040	91.192.832



Chi phí đồ dùng văn phòng	399.350.169	99.179.093
Chi phí khấu hao TSCĐ	179.859.284	44.668.269
Thuế, phí và lệ phí	4.612.972	1.145.637
Chi phí dự phòng	2.172.776.000	539.611.525
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.357.916.045	833.942.477
Chi phí bằng tiền khác	10.238.198.206	2.542.668.803
<b>Cộng</b>	<b>47.533.731.738</b>	<b>11.805.059.284</b>

20. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 25%.

## VII. Những thông tin khác

### 1. Công cụ tài chính

#### *Quản lý rủi ro vốn*

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động vừa có thể tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm: Vốn điều lệ cộng thặng dư vốn cổ phần, trừ đi cổ phiếu quỹ.

#### **Các loại công cụ tài chính**

##### *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó Công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

Tài sản tài chính	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	31/12/2011
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.742.244.096	17.434.891.441
Phải thu khách hàng (Sau dự phòng)	7.622.283.055	8.821.453.000
Các khoản phải thu khác		
<b>Tổng Cộng</b>	<b>36.364.527.151</b>	<b>26.256.344.441</b>

##### **Công nợ tài chính**

Công nợ tài chính	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	31/12/2011
Các khoản vay		
Phải trả người bán	500.000	500.000
Chi phí phải trả		
<b>Tổng cộng</b>	<b>500.000</b>	<b>500.000</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do thông tư 210/2009/TT-BTC cũng như quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

## **Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường ( bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

### **Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

### **Quản lý Rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

### **Quản lý rủi ro về hàng hóa**

Công ty mua hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua công cụ tài chính này.

### **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

### **Quản lý Rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghiệp vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo công ty duy trì đủ mức tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

## **2. Những sự kiện phát sinh sau ngày khoá sổ**

Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

### 3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội.

### 4. Những thông tin khác

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

### 5. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
<b>1. Bộ trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn</b>		
<b>1.1. Bộ trí cơ cấu tài sản (%)</b>		
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	15.82%	19.90%
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	84.18%	80.10%
<b>1.2. Bộ trí cơ cấu nguồn vốn (%)</b>		
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	37.09%	28.82%
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	62.91%	71.18%
<b>2. Khả năng thanh toán</b>		
2.1. Khả năng thanh toán tổng quát (lần)	2.70	3.47
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	2.27	2.82
2.3. Khả năng thanh toán nhanh (lần)	1.697	1.700
<b>3. Tỷ suất sinh lời</b>		
<b>3.1. Tỷ suất sinh lời trên doanh thu thuần (%)</b>		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	17.87%	16.38%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	13.43%	12.29%
<b>3.2. Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)</b>		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	24.41%	21.20%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	18.34%	15.91%

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hải

Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 01 năm 2013



Tổng Giám đốc

Lê Anh Tuấn